BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 92 /2026/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

THÔNG TƯ
Quy định việc công nhận chứng chỉ để sử dụng trong hệ thống giáo dục quốc dân

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định việc công nhận chứng chỉ để sử dụng trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc công nhận chứng chỉ và các loại giấy tờ, tài liệu có giá trị tương đương để sử dụng trong hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây gọi chung là chứng chỉ), bao gồm: mục đích, nguyên tắc, thẩm quyền, yêu cầu bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn, tiêu chí công nhận chứng chỉ, hội đồng tư vấn công nhận chứng chỉ, hồ sơ, trình tự và thủ tục công nhận chứng chỉ, điều chỉnh và hủy bỏ kết quả công nhận chứng chỉ.

Chứng chỉ thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này để sử dụng trong hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm chứng chỉ ngoại ngữ của nước ngoài; chứng chỉ theo khung năng lực hoặc theo chương trình đào tạo, bồi dưỡng hoặc kỳ thi, kiểm tra, đánh giá do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

2. Thông tư này áp dụng đối với các sở giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp chứng chỉ (sau đây gọi là đơn vị cấp chứng chỉ), pháp nhân được ủy quyền tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, thi và cấp chứng chỉ (sau đây gọi là đơn vị được ủy quyền); người được cấp chứng chỉ; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc công nhận và sử dụng chứng chỉ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Việc công nhận, sử dụng các chứng chỉ sau đây thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan:

a) Việc công nhận giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông, chứng chỉ trình độ sơ cấp của cơ sở giáo dục nước ngoài thực hiện theo quy

định tại Thông tư số 65/2026/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam;

b) Việc sử dụng chứng chỉ giáo dục đại học thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15, Thông tư số 53/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học, Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

c) Việc sử dụng chứng chỉ, giấy chứng nhận kết quả học tập trong giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 79/2026/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp;

d) Việc sử dụng chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và các chứng chỉ, chứng nhận khác liên quan đến chức danh nhà giáo, chuẩn nghề nghiệp nhà giáo thực hiện theo quy định của Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15, Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo và các thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp, bổ nhiệm chức danh nhà giáo các cấp học và trình độ đào tạo;

đ) Việc sử dụng chứng chỉ xác nhận kết quả học tập của người học chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên từ nước ngoài về học tập tại Việt Nam do Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo quy định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Chứng chỉ của nước ngoài cấp thuộc phạm vi được công nhận theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định tại Thông tư này. Cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, cá nhân sử dụng chứng chỉ có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, xác minh khi cần thiết theo quy định của pháp luật.

5. Thông tư này không áp dụng đối với chứng chỉ do đơn vị, trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân cấp để sử dụng trong phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chứng chỉ* là văn bản hoặc dữ liệu do đơn vị cấp chứng chỉ của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp dưới dạng giấy, điện tử hoặc dạng số để xác nhận kết quả học tập, trình độ, kiến thức, năng lực của cá nhân sau khi được đào tạo, bồi dưỡng hoặc

thi, kiểm tra, đánh giá; bao gồm chứng chỉ, chứng nhận, giấy chứng nhận và các loại giấy tờ, tài liệu khác có giá trị tương đương. Chứng chỉ trong Thông tư này không bao gồm chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân và các chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư này.

2. *Công nhận chứng chỉ* là việc công nhận giá trị của chứng chỉ quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này để sử dụng cho phạm vi, mục đích và đối tượng áp dụng cụ thể trong hệ thống giáo dục quốc dân.

3. *Khung năng lực* là hệ thống mô tả các năng lực và mức độ năng lực cần đạt được để sử dụng làm căn cứ tham chiếu, đánh giá, xác định mức độ năng lực của người có chứng chỉ. Khung năng lực bao gồm Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam, Khung năng lực số cho người học, Khung năng lực số đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên, cán bộ quản lý giáo dục và các khung năng lực khác do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

4. *Xung đột lợi ích trong công nhận chứng chỉ* là trường hợp thành viên của Hội đồng tư vấn công nhận chứng chỉ có lợi ích gắn với đơn vị tổ chức thi, cấp chứng chỉ; đã tham gia xây dựng, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, thi, đánh giá hoặc cấp chứng chỉ được đề nghị xem xét công nhận; hoặc có lợi ích có thể ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng, độc lập trong thực hiện nhiệm vụ đánh giá, tư vấn công nhận chứng chỉ.

Điều 3. Mục đích công nhận chứng chỉ

Công nhận chứng chỉ nhằm bảo đảm chứng chỉ được sử dụng trong hệ thống giáo dục quốc dân đáp ứng yêu cầu về chất lượng, độ tin cậy và phù hợp với mục đích sử dụng; làm cơ sở để xem xét sử dụng chứng chỉ theo phạm vi, mục đích công nhận; tạo điều kiện cho người học được tiếp tục học tập ở các trình độ cao hơn, thúc đẩy việc tự học, học tập suốt đời, học liên thông giữa các trình độ và tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo.

Điều 4. Nguyên tắc công nhận chứng chỉ

1. Công nhận chứng chỉ được thực hiện theo đề nghị của đơn vị cấp chứng chỉ hoặc đơn vị được ủy quyền đề nghị công nhận.

2. Chứng chỉ đề nghị công nhận phải phù hợp với mục đích sử dụng trong hệ thống giáo dục quốc dân; trường hợp chứng chỉ được xây dựng theo khung năng lực quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này thì phải phù hợp hoặc có thể đối sánh với khung năng lực đó.

3. Việc công nhận chứng chỉ phải bảo đảm khách quan, công bằng, minh bạch, đúng quy định.

Điều 5. Thẩm quyền công nhận và phạm vi sử dụng của chứng chỉ

1. Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận các loại chứng chỉ quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này trên cơ sở đánh

giá mức độ phù hợp của chứng chỉ với khung năng lực hoặc các yêu cầu trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng hoặc kỳ thi kiểm tra, đánh giá do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

2. Chứng chỉ do Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận được sử dụng trong hệ thống giáo dục quốc dân theo phạm vi, mục đích và đối tượng áp dụng, được xác định trong quyết định công nhận.

Điều 6. Yêu cầu bảo đảm chất lượng trong công nhận chứng chỉ

1. Chứng chỉ được xem xét công nhận khi đáp ứng các yêu cầu bảo đảm chất lượng sau:

a) Đơn vị cấp chứng chỉ phải được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật nước sở tại nếu là đơn vị cấp chứng chỉ của nước ngoài; được cơ quan có thẩm quyền cho phép tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ;

b) Chứng chỉ của nước ngoài phải được công nhận sử dụng trong hoạt động giáo dục, tuyển sinh, đào tạo của chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp hoặc giáo dục đại học tại nước sở tại hoặc nước có ngôn ngữ được thi cấp chứng chỉ là ngôn ngữ chính thức. Việc sử dụng chứng chỉ phải được thể hiện trong văn bản của cơ quan có thẩm quyền hoặc trong quy định tuyển sinh, đào tạo do cơ sở giáo dục ban hành;

c) Đơn vị cấp chứng chỉ phải có quy chế đào tạo, bồi dưỡng để cấp chứng chỉ (đối với trường hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng để cấp chứng chỉ) hoặc quy chế tổ chức thi, cấp chứng chỉ (đối với trường hợp tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá để cấp chứng chỉ) hoặc tài liệu tương đương.

2. Quy định về quy chế đào tạo, bồi dưỡng và quy chế tổ chức thi, cấp chứng chỉ tại điểm c khoản 1 Điều này:

a) Quy chế đào tạo, bồi dưỡng để cấp chứng chỉ quy định các nội dung chính sau: Nguyên tắc tổ chức; chương trình đào tạo, bồi dưỡng; yêu cầu về năng lực, trình độ của giáo viên, giảng viên; quy trình tổ chức đào tạo, bồi dưỡng; quy trình kiểm tra, đánh giá bảo đảm đo lường được năng lực của người học theo mục đích, phạm vi sử dụng của từng loại chứng chỉ; quy trình công nhận kết quả đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ; việc quản lý dữ liệu, lưu trữ hồ sơ; trách nhiệm của cá nhân, đơn vị đào tạo, bồi dưỡng và biện pháp xử lý vi phạm (nếu có);

b) Quy chế tổ chức thi, cấp chứng chỉ quy định các nội dung chính sau: Điều kiện đăng ký dự thi; quy định về quản lý, bảo mật đề thi, định dạng đề thi; quy trình tổ chức thi, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm tổ chức thi, chấm thi, phúc khảo, công bố kết quả; việc cấp và xác thực chứng chỉ; việc quản lý dữ liệu, lưu trữ hồ sơ; biện pháp phòng, chống gian lận trong toàn bộ quá trình tổ chức thi; trách nhiệm, quyền hạn của các bộ phận tổ chức thi có liên quan và biện pháp xử lý vi phạm (nếu có).

Điều 7. Tiêu chuẩn, tiêu chí công nhận chứng chỉ

1. Việc công nhận chứng chỉ được thực hiện trên cơ sở các tiêu chuẩn, tiêu chí, bảo đảm đánh giá khách quan, công bằng, minh bạch, an ninh, an toàn và chất lượng; phù hợp với từng loại chương trình đào tạo, bồi dưỡng hoặc kỳ thi, kiểm tra, đánh giá và mục đích sử dụng của chứng chỉ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Tiêu chuẩn, tiêu chí công nhận chứng chỉ được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cơ quan có thẩm quyền công nhận chứng chỉ căn cứ các tiêu chuẩn, tiêu chí quy định tại Phụ lục I và yêu cầu bảo đảm chất lượng quy định tại Điều 6 Thông tư này để công nhận đối với từng loại chứng chỉ.

Điều 8. Hội đồng tư vấn công nhận chứng chỉ

1. Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng tư vấn công nhận chứng chỉ (sau đây gọi là Hội đồng) để xem xét, đánh giá và tư vấn việc công nhận chứng chỉ quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này.

2. Hội đồng có số lượng từ 07 đến 11 thành viên, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Thư ký và các ủy viên; trong đó ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng là các nhà khoa học, chuyên gia có kinh nghiệm về xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng, đo lường, đánh giá năng lực, xây dựng khung năng lực, chuẩn năng lực hoặc có chuyên môn về quản lý chứng chỉ, khảo thí chứng chỉ.

Thành viên Hội đồng phải bảo đảm đánh giá độc lập, khách quan, công bằng và không có xung đột lợi ích trong thực hiện nhiệm vụ; có trách nhiệm cam kết không có xung đột lợi ích trước và trong khi tham gia đánh giá.

3. Hội đồng có nhiệm vụ:

a) Xem xét hồ sơ đề nghị công nhận chứng chỉ và các tài liệu, minh chứng có liên quan;

b) Đánh giá việc đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng quy định tại Điều 6 và tiêu chuẩn, tiêu chí công nhận chứng chỉ quy định tại Điều 7 Thông tư này;

c) Tư vấn về mức độ tương đương hoặc phù hợp của chứng chỉ với phạm vi, mục đích, đối tượng sử dụng chứng chỉ;

d) Đề xuất Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng xem xét, quyết định việc công nhận chứng chỉ.

4. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, thành viên Hội đồng đánh giá độc lập và biểu quyết bằng phiếu đánh giá. Hội đồng đề xuất công nhận chứng chỉ khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng có phiếu đánh giá đồng ý công nhận.

5. Thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm về ý kiến đánh giá, tư vấn của mình; thực hiện quy định về bảo mật thông tin, tài liệu, hồ sơ và không được lợi dụng nhiệm vụ được giao để vụ lợi hoặc phục vụ lợi ích cá nhân.

Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng có xung đột lợi ích dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá, tư vấn hoặc kết quả công nhận thì cơ quan có thẩm quyền công nhận chứng chỉ xem xét, quyết định hủy bỏ kết quả công nhận và xử lý trách nhiệm cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quy chế công nhận chứng chỉ

Quy chế công nhận chứng chỉ là văn bản do cơ quan có thẩm quyền công nhận chứng chỉ ban hành để quy định việc công nhận từng loại chứng chỉ. Quy chế công nhận chứng chỉ phải tuân thủ mục đích, nguyên tắc, yêu cầu bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn, tiêu chí công nhận chứng chỉ, thẩm quyền và trách nhiệm công nhận chứng chỉ quy định tại Thông tư này. Quy chế công nhận chứng chỉ quy định cụ thể cách thức thực hiện việc công nhận chứng chỉ, trách nhiệm của thành viên Hội đồng tư vấn công nhận chứng chỉ.

Điều 10. Hồ sơ, trình tự và thủ tục công nhận chứng chỉ

1. Hồ sơ đề nghị công nhận chứng chỉ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị công nhận chứng chỉ theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản xác minh tính hợp pháp của chứng chỉ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

c) Quy chế đào tạo, bồi dưỡng để cấp chứng chỉ, quy chế tổ chức thi, cấp chứng chỉ hoặc tài liệu tương đương theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

d) Báo cáo kèm tài liệu minh chứng về việc đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn và tiêu chí công nhận chứng chỉ để sử dụng trong hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm các nội dung chủ yếu: Sự cần thiết, phạm vi và mục đích đề nghị công nhận chứng chỉ; thông tin về cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp chứng chỉ; thông tin về chứng chỉ đề nghị công nhận; minh chứng việc đáp ứng các yêu cầu bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn và tiêu chí công nhận chứng chỉ;

đ) Văn bản ủy quyền của đơn vị cấp chứng chỉ (đối với trường hợp hồ sơ do đơn vị được ủy quyền nộp).

2. Tài liệu trong hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này nếu được lập bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền công nhận chứng chỉ quyết định không yêu cầu bản dịch đối với tài liệu bằng tiếng nước ngoài.

3. Trình tự và thủ tục công nhận chứng chỉ được thực hiện như sau:

a) Đơn vị cấp chứng chỉ hoặc đơn vị được ủy quyền cung cấp các thông tin và tải bản quét (scan) hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trường hợp đơn vị cấp chứng chỉ hoặc đơn vị được ủy quyền không thể tải lên Cổng Dịch vụ công quốc gia vì lý do bất khả kháng thì nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền công nhận chứng chỉ kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền công nhận chứng chỉ thông báo bằng văn bản cho đơn vị cấp chứng chỉ hoặc đơn vị được ủy quyền để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 40 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền công nhận chứng chỉ căn cứ vào ý kiến đánh giá của Hội đồng tư vấn công nhận chứng chỉ quy định tại Điều 8 Thông tư này để quyết định việc công nhận chứng chỉ. Quyết định công nhận chứng chỉ hoặc danh mục chứng chỉ được công nhận được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường hợp chứng chỉ không đáp ứng yêu cầu để được công nhận, cơ quan có thẩm quyền công nhận chứng chỉ trả lời bằng văn bản cho đơn vị cấp chứng chỉ hoặc đơn vị được ủy quyền và nêu rõ lý do không công nhận.

4. Trường hợp chứng chỉ không được công nhận theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này, sau thời hạn ít nhất 12 tháng kể từ ngày có văn bản thông báo không đáp ứng điều kiện công nhận, đơn vị cấp chứng chỉ hoặc đơn vị được ủy quyền được nộp lại hồ sơ đề nghị công nhận khi có thay đổi về phiên bản, cấu trúc, định dạng đề thi, kết quả nghiên cứu đối sánh hoặc các nội dung khác có liên quan đến việc đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn và tiêu chí công nhận chứng chỉ.

Điều 11. Điều chỉnh và hủy bỏ kết quả công nhận chứng chỉ

1. Điều chỉnh kết quả công nhận chứng chỉ trong trường hợp có thay đổi hoặc cập nhật thông tin liên quan đến chứng chỉ, phạm vi, mục đích và đối tượng công nhận hoặc để khắc phục sai sót trong quyết định công nhận chứng chỉ đã ban hành.

2. Hủy bỏ kết quả công nhận chứng chỉ trong trường hợp sau:

a) Có căn cứ xác định hồ sơ đề nghị công nhận có tài liệu, thông tin giả mạo, không trung thực làm ảnh hưởng đến kết quả công nhận chứng chỉ;

b) Có kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra về việc hồ sơ đề nghị công nhận hoặc chứng chỉ được công nhận không bảo đảm theo quy định của pháp luật;

c) Có căn cứ xác định thành viên Hội đồng tư vấn công nhận chứng chỉ có xung đột lợi ích làm sai lệch kết quả đánh giá, tư vấn, dẫn đến việc công nhận chứng chỉ không đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng hoặc tiêu chuẩn, tiêu chí công nhận quy định tại Thông tư này;

d) Có căn cứ xác định chứng chỉ sau khi được công nhận không đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng quy định tại Điều 6 hoặc tiêu chuẩn, tiêu chí công nhận chứng chỉ quy định tại Điều 7 Thông tư này.

3. Cơ quan có thẩm quyền công nhận chứng chỉ có thẩm quyền điều chỉnh và hủy bỏ kết quả công nhận chứng chỉ.

4. Việc điều chỉnh, hủy bỏ kết quả công nhận chứng chỉ không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được cấp chứng chỉ đã phát sinh trước thời

điểm quyết định điều chỉnh, hủy bỏ có hiệu lực, trừ trường hợp quyền và lợi ích của người được cấp chứng chỉ được xác lập trên cơ sở hành vi gian dối, giả mạo hoặc cung cấp thông tin không trung thực.

Điều 12. Trách nhiệm của đơn vị cấp chứng chỉ, đơn vị được ủy quyền

1. Cung cấp đầy đủ, chính xác, rõ ràng thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị công nhận, điều kiện bảo đảm chất lượng, tính hợp pháp và giá trị sử dụng của chứng chỉ; chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, tính hợp pháp của tài liệu và nội dung kê khai trong hồ sơ.

2. Công khai trên trang thông tin điện tử các thông tin về chứng chỉ được cấp, phạm vi sử dụng, quy trình kiểm tra, đánh giá hoặc tổ chức thi, cấp chứng chỉ; bảo đảm tính công khai, minh bạch, thuận lợi cho việc tra cứu, xác thực và giám sát của cơ quan quản lý, tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền công nhận chứng chỉ khi có thay đổi liên quan đến việc đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng trong công nhận chứng chỉ, tiêu chuẩn, tiêu chí và các quy định khác.

4. Cung cấp phương thức xác thực chứng chỉ điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến hoặc phương thức xác thực đáng tin cậy khác để cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục và cơ quan, tổ chức có liên quan kiểm tra, xác thực thông tin về chứng chỉ; bảo đảm phương thức xác thực chứng chỉ điện tử được cung cấp, chia sẻ công khai, chính xác, an toàn và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Tuân thủ và duy trì các yêu cầu bảo đảm chất lượng quy định tại Điều 6 và tiêu chuẩn, tiêu chí quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền công nhận

1. Xem xét, quyết định công nhận chứng chỉ theo thẩm quyền; công bố, cập nhật các quyết định công nhận, điều chỉnh, hủy bỏ công nhận chứng chỉ trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định của Thông tư này.

2. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết theo quy định của pháp luật để bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn công nhận chứng chỉ trong quá trình xem xét, đánh giá và tư vấn công nhận chứng chỉ.

3. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về công nhận chứng chỉ; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Cục Quản lý chất lượng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin tổ chức xây dựng, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu về chứng chỉ được công nhận theo lộ trình và hướng dẫn việc cung cấp, khai thác thông tin phục vụ quản lý, sử dụng chứng chỉ đã được công nhận.

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

1. Chứng chỉ thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này đã được sử dụng theo quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được sử dụng theo quy định đối với chứng chỉ đó.

2. Trường hợp khung năng lực là cơ sở công nhận chứng chỉ được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện rà soát các chứng chỉ đã công nhận, quyết định tiếp tục công nhận chứng chỉ theo khung năng lực đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Trường hợp không tiếp tục công nhận chứng chỉ thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Việc điều chỉnh hoặc hủy bỏ kết quả công nhận đối với các chứng chỉ đã được công bố, công nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 12 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới đó.

3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Bộ Tư pháp;
- Hội đồng QG Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Như Điều 15;
- Công báo điện tử; Cổng PLQG; Cổng TTĐT Chính phủ; Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Cục QLCL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phạm Ngọc Thưởng

Phụ lục I

TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ CÔNG NHẬN CHỨNG CHỈ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32 /2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ CÔNG NHẬN ĐỐI VỚI CHỨNG CHỈ ĐƯỢC CẤP TRÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

1. Tiêu chuẩn 1. Công khai thông tin về chương trình đào tạo, bồi dưỡng

a) Tiêu chí 1.1: Thông tin về đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng; đối tượng, điều kiện tham gia; mục tiêu, nội dung, thời lượng và phương thức tổ chức chương trình được công bố công khai, đầy đủ, dễ tiếp cận.

b) Tiêu chí 1.2: Nội dung về phương thức kiểm tra, đánh giá; điều kiện hoàn thành chương trình và điều kiện cấp chứng chỉ được quy định rõ ràng và công bố công khai.

c) Tiêu chí 1.3: Nội dung thông tin quy định tại Tiêu chí 1.1 và 1.2 được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của đơn vị cấp chứng chỉ hoặc đơn vị được ủy quyền.

2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng

a) Tiêu chí 2.1: Chương trình xác định rõ đối tượng, mục tiêu và kết quả cần đạt về kiến thức, kỹ năng, phương pháp hoặc năng lực của người học sau khi hoàn thành chương trình.

b) Tiêu chí 2.2: Nội dung và cấu trúc chương trình phù hợp với mục tiêu và kết quả cần đạt được.

c) Tiêu chí 2.3: Nội dung chương trình bao quát kiến thức, kỹ năng, phương pháp hoặc năng lực theo khung năng lực hiện hành mà chứng chỉ xác nhận.

d) Tiêu chí 2.4: Thời lượng chương trình phù hợp với nội dung, phương thức tổ chức và kết quả cần đạt.

đ) Tiêu chí 2.5: Tài liệu, học liệu và các nguồn học tập được sử dụng phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng và phương thức tổ chức chương trình.

3. Tiêu chuẩn 3. Đội ngũ thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng

a) Tiêu chí 3.1: Có quy định về trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm đối với đội ngũ nhân sự thực hiện hoạt động giảng dạy, hướng dẫn hoặc đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với tính chất và nội dung chương trình.

b) Tiêu chí 3.2: Đội ngũ thực hiện hoạt động giảng dạy, hướng dẫn hoặc đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, năng lực hoặc kinh nghiệm đối với nội dung được phân công.

c) Tiêu chí 3.3: Có quy trình hoặc cơ chế lựa chọn, quản lý và đánh giá đội ngũ thực hiện chương trình nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo, bồi dưỡng.

4. Tiêu chuẩn 4. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng

a) Tiêu chí 4.1: Phương thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng và kết quả cần đạt của chương trình.

b) Tiêu chí 4.2: Có quy định và biện pháp quản lý việc tham gia và quá trình học tập của người học phù hợp với phương thức tổ chức chương trình.

c) Tiêu chí 4.3: Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm người học được tiếp cận và thực hiện các nội dung học tập cần thiết để đạt mục tiêu và kết quả cần đạt của chương trình.

5. Tiêu chuẩn 5. Kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng

a) Tiêu chí 5.1: Có căn cứ và minh chứng nghiên cứu xác định nội dung và kết quả kiểm tra, đánh giá phù hợp với yêu cầu tương ứng với khung năng lực, phạm vi và mục đích đề nghị công nhận chứng chỉ. Nội dung kiểm tra, đánh giá bao quát kiến thức, phương pháp, kỹ năng hoặc năng lực cần đánh giá.

b) Tiêu chí 5.2: Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với kiến thức, phương pháp, kỹ năng hoặc năng lực cần đánh giá.

Trường hợp kết quả cần đạt của chương trình bao gồm kỹ năng hoặc năng lực thực hành thì phải có hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với việc thực hiện kỹ năng hoặc năng lực đó.

c) Tiêu chí 5.3: Có tiêu chí, thang điểm hoặc yêu cầu xác định mức độ hoàn thành; phương pháp chấm, đánh giá và điều kiện đạt được quy định rõ ràng.

d) Tiêu chí 5.4: Quy trình kiểm tra, đánh giá bảo đảm khách quan, công bằng, minh bạch và xác định được mức độ đạt kết quả cần đạt của người học.

đ) Tiêu chí 5.5: Có căn cứ và minh chứng nghiên cứu xác định nội dung và kết quả kiểm tra, đánh giá phù hợp với yêu cầu tương ứng với khung năng lực, phạm vi, mục đích đề nghị công nhận chứng chỉ.

6. Tiêu chuẩn 6. Cấp, quản lý và xác thực chứng chỉ

a) Tiêu chí 6.1: Quy định về điều kiện hoàn thành chương trình và điều kiện cấp chứng chỉ được công bố rõ ràng, phù hợp với mục tiêu và kết quả cần đạt của chương trình.

b) Tiêu chí 6.2: Dữ liệu cấp chứng chỉ được quản lý, lưu trữ theo quy định của đơn vị cấp chứng chỉ.

c) Tiêu chí 6.3: Có phương thức xác thực chứng chỉ điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến hoặc mã xác thực để cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục và cơ quan, tổ chức có liên quan kiểm tra, xác thực thông tin về chứng chỉ.

II. TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ CÔNG NHẬN ĐỐI VỚI CHỨNG CHỈ ĐƯỢC CẤP TRÊN CƠ SỞ TỔ CHỨC THI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Tiêu chuẩn 1. Công khai thông tin về thi, kiểm tra, đánh giá

a) Tiêu chí 1.1: Thông tin về mục đích, đối tượng, nội dung, cấu trúc, phương thức, lịch và địa điểm tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá được công bố công khai, đầy đủ, dễ tiếp cận trên trang thông tin điện tử chính thức của đơn vị cấp chứng chỉ hoặc đơn vị được ủy quyền.

b) Tiêu chí 1.2: Thông tin về điều kiện dự thi, kiểm tra, đánh giá; phương thức đánh giá; thang điểm, cách xác định kết quả; điều kiện đạt và điều kiện cấp chứng chỉ được quy định rõ ràng.

2. Tiêu chuẩn 2. Nội dung và phương thức thi, kiểm tra, đánh giá

a) Tiêu chí 2.1: Nội dung thi, kiểm tra được xây dựng trên cơ sở đặc tả hoặc yêu cầu đánh giá, có tài liệu mô tả mục đích đánh giá, cấu trúc, nội dung hoặc năng lực cần đánh giá, dạng câu hỏi, thang điểm, phương pháp chấm hoặc các thông tin kỹ thuật đặc tả tương ứng.

b) Tiêu chí 2.2: Nội dung thi, kiểm tra, đánh giá bao quát kiến thức, kỹ năng hoặc năng lực cần thiết, phù hợp với đối tượng và mục đích đánh giá. Nội dung được trình bày bố cục rõ ràng, phù hợp với hình thức tổ chức và thuận tiện cho người dự thi, người được đánh giá; không vi phạm pháp luật, thuần phong mỹ tục, giá trị văn hóa của Việt Nam và không tạo định kiến hoặc bất lợi với người dự thi, người được đánh giá.

c) Tiêu chí 2.3: Phương thức đánh giá, dạng câu hỏi, nhiệm vụ hoặc yêu cầu thực hiện phù hợp với nội dung, kiến thức, kỹ năng hoặc năng lực cần đánh giá.

d) Tiêu chí 2.4: Số lượng câu hỏi, cấu trúc, dạng thức câu hỏi, độ khó và độ phức tạp của câu hỏi phù hợp với mục đích đánh giá, bảo đảm khả năng phân loại hoặc xác định mức độ đạt được của người dự thi, người được đánh giá.

3. Tiêu chuẩn 3. Tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá

a) Tiêu chí 3.1: Quy trình tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và chấm thi được chuẩn hóa, bảo đảm chất lượng.

b) Tiêu chí 3.2: Có biện pháp bảo đảm an toàn, bảo mật đề thi, bài thi, dữ liệu và kết quả thi; phòng, chống gian lận, thi thay, thi hộ và các hành vi gian lận khác.

c) Tiêu chí 3.3: Việc thi, kiểm tra, đánh giá được tổ chức tại địa điểm thi, có giám sát, bảo đảm xác thực người dự thi và yêu cầu về an toàn, bảo mật.

d) Tiêu chí 3.4: Thiết bị, cơ sở vật chất, địa điểm tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá bảo đảm đáp ứng quy định của pháp luật; danh sách địa điểm thi được công bố công khai trên trang thông tin điện tử chính thức của đơn vị cấp chứng chỉ hoặc đơn vị được ủy quyền.

4. Tiêu chuẩn 4. Chất lượng và độ tin cậy của kết quả đánh giá

a) Tiêu chí 4.1: Có thang điểm, tiêu chí chấm, phương pháp chấm và cách xác định kết quả rõ ràng, phù hợp với nội dung và mục đích đánh giá.

b) Tiêu chí 4.2: Có nghiên cứu, báo cáo, dữ liệu hoặc tài liệu kỹ thuật chứng minh công cụ và kết quả thi, kiểm tra, đánh giá có tính giá trị, độ tin cậy, độ phân biệt, phản ánh sự phù hợp với mục đích, đối tượng, bối cảnh đánh giá của Việt Nam và kiến thức, kỹ năng hoặc năng lực cần đánh giá.

c) Tiêu chí 4.3: Có quy trình, dữ liệu hoặc minh chứng bảo đảm việc chấm, đánh giá kết quả được thực hiện thống nhất theo đáp án, thang điểm hoặc tiêu chí chấm.

d) Tiêu chí 4.4: Có nghiên cứu, báo cáo, dữ liệu hoặc minh chứng đánh giá về tính công bằng của nội dung, phương thức và kết quả đánh giá; không tạo lợi thế hoặc bất lợi đối với người dự thi, người được đánh giá, phù hợp với văn hoá, bối cảnh và nhu cầu của Việt Nam.

5. Tiêu chuẩn 5. Cấp, quản lý và xác thực chứng chỉ

a) Tiêu chí 5.1: Thông tin quy định về điều kiện và căn cứ cấp chứng chỉ được thông báo công khai, đầy đủ rõ ràng, phù hợp với kết quả thi, kiểm tra, đánh giá.

b) Tiêu chí 5.2: Kết quả thi, kiểm tra, đánh giá và dữ liệu cấp chứng chỉ được quản lý, lưu trữ theo quy định của đơn vị cấp chứng chỉ.

c) Tiêu chí 5.3: Có phương thức xác thực chứng chỉ điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến hoặc mã xác thực để cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục và cơ quan, tổ chức có liên quan kiểm tra, xác thực thông tin về chứng chỉ.

6. Tiêu chuẩn 6. Sự phù hợp của chứng chỉ với mục đích đề nghị công nhận

a) Tiêu chí 6.1: Có tài liệu nghiên cứu, báo cáo, dữ liệu hoặc minh chứng xác định mức độ tương đương của kết quả thi, kiểm tra, đánh giá với khung năng lực hiện hành hoặc yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực, trình độ tương ứng, trong trường hợp cần xác định mức độ tương đương.

b) Tiêu chí 6.2: Có căn cứ và minh chứng nghiên cứu xác định nội dung và kết quả thi, kiểm tra, đánh giá phù hợp với yêu cầu tương ứng với phạm vi, mục đích đề nghị công nhận chứng chỉ.

Phụ lục II

MẪU PHIẾU ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CHỨNG CHỈ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32 /2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU ĐỀ NGHỊ

Công nhận chứng chỉ ...(1)... để sử dụng trong hệ thống giáo dục quốc dân

Kính gửi: .....(2).....

I. THÔNG TIN VỀ CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN

1. Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị: .....
2. Địa chỉ trụ sở: .....
3. Quốc gia/vùng lãnh thổ: .....
4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật/người có thẩm quyền/được ủy quyền: .....
5. Chức vụ: .....
6. Điện thoại: ..... Email: .....
7. Trang thông tin điện tử cơ quan, tổ chức, đơn vị:.....
8. Quyết định thành lập/Giấy phép thành lập hoặc tài liệu tương đương theo pháp luật áp dụng của nước sở tại:.....
9. Tư cách đề nghị công nhận:

☐ Đơn vị cấp chứng chỉ.

☐ Đơn vị được ủy quyền.

II. THÔNG TIN VỀ CHỨNG CHỈ ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN

1. Tên chứng chỉ bằng ngôn ngữ gốc: .....
2. Tên chứng chỉ bằng tiếng Việt (nếu có): .....
3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp chứng chỉ: .....
4. Quốc gia/vùng lãnh thổ nơi cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp chứng chỉ được thành lập và hoạt động hợp pháp: .....
5. Loại, cấp độ của chứng chỉ (nếu có): .....
6. Địa điểm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, thi cấp chứng chỉ:.....
7. Trang thông tin điện tử chính thức của đơn vị cấp chứng chỉ:.....

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

Đề nghị .....(2)..... xem xét công nhận chứng chỉ nêu tại Mục II để sử dụng trong hệ thống giáo dục quốc dân với nội dung:

1. Phạm vi và mục đích sử dụng chứng chỉ đề nghị công nhận: .....

.....

2. Đối tượng sử dụng chứng chỉ đề nghị công nhận (nếu có): .....
.....

IV. CÁC TÀI LIỆU, MINH CHỨNG KÈM THEO

1. Văn bản xác minh tính hợp pháp của chứng chỉ;

2. Quy chế đào tạo, bồi dưỡng để cấp chứng chỉ/Quy chế tổ chức thi, cấp chứng chỉ hoặc các tài liệu tương đương;

3. Báo cáo kèm tài liệu minh chứng về việc đáp ứng tiêu chuẩn và tiêu chí công nhận chứng chỉ để sử dụng trong hệ thống giáo dục quốc dân;

4. Văn bản ủy quyền của đơn vị cấp chứng chỉ (đối với trường hợp hồ sơ do đơn vị được ủy quyền nộp).

5. Các văn bản, tài liệu khác (nếu có).

V. CAM KẾT

Chúng tôi cam kết các thông tin, tài liệu, minh chứng trong hồ sơ đề nghị công nhận chứng chỉ là đầy đủ, chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của hồ sơ đã cung cấp.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
(Ký và đóng dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên chứng chỉ đề nghị công nhận;

(2) Cơ quan có thẩm quyền công nhận chứng chỉ.